

THỰC HIỆN HỒ SƠ VÀO LỚP 10 - TRƯỜNG THPT PHONG PHÚ

Phụ huynh và học sinh lưu ý

1. Học sinh về trường THCS (nơi đã học lớp 9) để nhận lại hồ sơ xét tuyển.
2. Từ ngày **12/7/2022** (thứ Ba): Học sinh nhận hồ sơ và điền các thông tin theo yêu cầu trong hồ sơ (Phiếu lý lịch, đơn xin nhập học, đăng ký bán trú ..và đọc kỹ nội quy của nhà trường).
3. Nhà trường bắt đầu nhận hồ sơ (Buổi sáng: 7h30-11h30; Buổi chiều: 13g00 - 16g30)
+ **Từ thứ Ba ngày 12/7/2022 đến 16g30 Thứ Sáu ngày 15/7/2022 theo số thứ tự.**
+ Các hồ sơ chưa nộp theo thứ tự thông báo, nhà trường tiếp tục thu từ 7g30 thứ bảy ngày 16/7/2022 cho đến 16g00 thứ tư ngày 20/7/2022. (Thu vào các buổi sáng từ 7h30 đến 11h30),
+ **Sau thời gian trên các hồ sơ không nộp coi như học sinh tự ý bỏ, nhà trường sẽ không chịu trách nhiệm những hồ sơ nộp trễ.**
4. ***Nhà trường không giải quyết bất cứ trường hợp nào thay đổi nguyện vọng và xin chuyển trường đi nơi khác.***

HỒ SƠ GỒM CÓ:

1. Đơn xin dự tuyển 10 có ghi 3 nguyện vọng ưu tiên xét vào các trường trung học phổ thông;
2. Phiếu báo điểm tuyển sinh 10 trên đó có ghi 3 nguyện vọng;
3. Học bạ cấp trung học cơ sở (bản chính);
4. Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở (bản chính). Học sinh mới công nhận tốt nghiệp nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp (tạm thời);
5. Bản sao giấy khai sinh hợp lệ;
6. Bản sao hộ khẩu có chứng thực (nếu có) hoặc tạm trú dài hạn.
7. Giấy xác nhận được hưởng chính sách ưu tiên, khuyến khích (nếu có) do cơ quan có thẩm quyền cấp;
8. Phiếu lý lịch. (Trường phát mẫu thống nhất).
9. Đơn xin học lớp 10.
10. Phiếu đăng ký chọn phân ban lớp.

(Các loại hồ sơ trên xếp theo thứ tự từ 1 đến 10)

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI HẠNH KIỂM

(Trích Thông tư số: 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Điều 4. Tiêu chuẩn xếp loại hạnh kiểm

1. Loại tốt:

- a) Thực hiện nghiêm túc nội quy nhà trường; chấp hành tốt luật pháp, quy định về trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông; tích cực tham gia đấu tranh với các hành động tiêu cực, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội;
- b) Luôn kính trọng thầy giáo, cô giáo, người lớn tuổi; thương yêu và giúp đỡ các em nhỏ tuổi; có ý thức xây dựng tập thể, đoàn kết, được các bạn tin yêu;
- c) Tích cực rèn luyện phẩm chất đạo đức, có lối sống lành mạnh, giản dị, khiêm tốn; chăm lo giúp đỡ gia đình;
- d) Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập, có ý thức vươn lên, trung thực trong cuộc sống, trong học tập;
- đ) Tích cực rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường;
- e) Tham gia đầy đủ các hoạt động giáo dục, các hoạt động do nhà trường tổ chức; tích cực tham gia các hoạt động của Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- g) Có thái độ và hành vi đúng đắn trong việc rèn luyện đạo đức, lối sống theo nội dung môn Giáo dục công dân.

2. Loại khá:

Thực hiện được những quy định tại Khoản 1 Điều này nhưng chưa đạt đến mức độ của loại tốt; còn có thiếu sót nhưng kịp thời sửa chữa sau khi thầy giáo, cô giáo và các bạn góp ý.

3. Loại trung bình:

Có một số khuyết điểm trong việc thực hiện các quy định tại Khoản 1 Điều này nhưng mức độ chưa nghiêm trọng; sau khi được nhắc nhở, giáo dục đã tiếp thu, sửa chữa nhưng tiến bộ còn chậm.

4. Loại yếu:

Chưa đạt tiêu chuẩn xếp loại trung bình hoặc có một trong các khuyết điểm sau đây:

- a) Có sai phạm với tính chất nghiêm trọng hoặc lặp lại nhiều lần trong việc thực hiện quy định tại Khoản 1 Điều này, được giáo dục nhưng chưa sửa chữa;
- b) Vô lễ, xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể của giáo viên, nhân viên nhà trường; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bạn hoặc của người khác;
- c) Gian lận trong học tập, kiểm tra, thi;
- d) Đánh nhau, gây rối trật tự, trị an trong nhà trường hoặc ngoài xã hội; vi phạm an toàn giao thông; gây thiệt hại tài sản công, tài sản của người khác.

ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI HỌC LỰC

(Trích Thông tư số: 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Điều 10. Kết quả môn học của mỗi học kỳ, cả năm học

1. Đối với các môn học đánh giá bằng cho điểm:

a) Điểm trung bình môn học kỳ (ĐTB_{mhk}) là trung bình cộng của điểm các bài KT_{tx} , $\text{KT}_{\text{đk}}$ và KT_{hk} với các hệ số quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 7 Quy chế này:

$$\text{ĐTB}_{\text{mhk}} = \frac{\text{TĐKT}_{\text{tx}} + 2 \times \text{TĐKT}_{\text{đk}} + 3 \times \text{ĐKT}_{\text{hk}}}{\text{Số bài KT}_{\text{tx}} + 2 \times \text{Số bài KT}_{\text{đk}} + 3}$$

- TĐKT_{tx} : Tổng điểm của các bài KT_{tx}
- $\text{TĐKT}_{\text{đk}}$: Tổng điểm của các bài $\text{KT}_{\text{đk}}$
- ĐKT_{hk} : Điểm bài KT_{hk}

b) Điểm trung bình môn cả năm (ĐTB_{mcn}) là trung bình cộng của ĐTB_{mhkI} với $\text{ĐTB}_{\text{mhkII}}$, trong đó $\text{ĐTB}_{\text{mhkII}}$ tính hệ số 2:

$$\text{ĐTB}_{\text{mcn}} = \frac{\text{ĐTB}_{\text{mhkI}} + 2 \times \text{ĐTB}_{\text{mhkII}}}{3}$$

c) ĐTB_{mhk} và ĐTB_{mcn} là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

2. Đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét:

a) Xếp loại học kỳ:

- Đạt yêu cầu (Đ): Có đủ số lần kiểm tra theo quy định tại các Khoản 1, 2, 3 Điều 8 và 2/3 số bài kiểm tra trở lên được đánh giá mức Đ, trong đó có bài kiểm tra học kỳ.
- Chưa đạt yêu cầu (CĐ): Các trường hợp còn lại.

b) Xếp loại cả năm:

- Đạt yêu cầu (Đ): Cả hai học kỳ xếp loại Đ hoặc học kỳ I xếp loại CĐ, học kỳ II xếp loại Đ.
- Chưa đạt yêu cầu (CĐ): Cả hai học kỳ xếp loại CĐ hoặc học kỳ I xếp loại Đ, học kỳ II xếp loại CĐ.

c) Những học sinh có năng khiếu được giáo viên bộ môn ghi thêm nhận xét vào học bạ.

3. Đối với các môn chỉ dạy trong một học kỳ thì lấy kết quả đánh giá, xếp loại của học kỳ đó làm kết quả đánh giá, xếp loại cả năm học.

Điều 13. Tiêu chuẩn xếp loại học kỳ và xếp loại cả năm học

1. Loại giỏi, nếu có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Điểm trung bình các môn học từ 8,0 trở lên, trong đó điểm trung bình của 1 trong 2 môn Toán, Ngữ văn từ 8,0 trở lên; riêng đối với học sinh lớp chuyên của trường THPT chuyên phải thêm điều kiện điểm trung bình môn chuyên từ 8,0 trở lên;
- b) Không có môn học nào điểm trung bình dưới 6,5;
- c) Các môn học đánh giá bằng nhận xét đạt loại Đ.

2. Loại khá, nếu có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Điểm trung bình các môn học từ 6,5 trở lên, trong đó điểm trung bình của 1 trong 2 môn Toán, Ngữ văn từ 6,5 trở lên; riêng đối với học sinh lớp chuyên của trường THPT chuyên phải thêm điều kiện điểm trung bình môn chuyên từ 6,5 trở lên;
- b) Không có môn học nào điểm trung bình dưới 5,0;
- c) Các môn học đánh giá bằng nhận xét đạt loại Đ.

3. Loại trung bình, nếu có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Điểm trung bình các môn học từ 5,0 trở lên, trong đó điểm trung bình của 1 trong 2 môn Toán, Ngữ văn từ 5,0 trở lên; riêng đối với học sinh lớp chuyên của trường THPT chuyên phải thêm điều kiện điểm trung bình môn chuyên từ 5,0 trở lên;
- b) Không có môn học nào điểm trung bình dưới 3,5;
- c) Các môn học đánh giá bằng nhận xét đạt loại Đ.

4. Loại yếu: Điểm trung bình các môn học từ 3,5 trở lên, không có môn học nào điểm trung bình dưới 2,0.

5. Loại kém: Các trường hợp còn lại.

6. Nếu ĐTB_{hk} hoặc ĐTB_{cn} đạt mức của từng loại quy định tại các Khoản 1, 2 điều này nhưng do kết quả của một môn học nào đó thấp hơn mức quy định cho loại đó nên học lực bị xếp thấp xuống thì được điều chỉnh như sau:

- a) Nếu ĐTB_{hk} hoặc ĐTB_{cn} đạt mức loại G nhưng do kết quả của một môn học nào đó mà phải xuống loại Tb thì được điều chỉnh xếp loại K.
- b) Nếu ĐTB_{hk} hoặc ĐTB_{cn} đạt mức loại G nhưng do kết quả của một môn học nào đó mà phải xuống loại Y thì được điều chỉnh xếp loại Tb.
- c) Nếu ĐTB_{hk} hoặc ĐTB_{cn} đạt mức loại K nhưng do kết quả của một môn học nào đó mà phải xuống loại Y thì được điều chỉnh xếp loại Tb.
- d) Nếu ĐTB_{hk} hoặc ĐTB_{cn} đạt mức loại K nhưng do kết quả của một môn học nào đó mà phải xuống loại Kém thì được điều chỉnh xếp loại Y.